

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500224026
- Vốn điều lệ: 69.898.000.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 69.898.000.000
- Địa chỉ: Phường Phúc Thắng – Thành phố Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc
- Số điện thoại: 0243.5811.900
- Số fax: 043.5811.349
- Website: viglacerathanglong.com.vn
- Mã cổ phiếu: TLT
- Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long là Nhà máy gạch men Thăng Long được thành lập theo Quyết định số 1379/QĐ-BXD ngày 22/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Viglacera-CTCP. Công ty có chức năng sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gạch ceramic và ngói tráng men.

Ngày 16/07/2003 Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 960/QĐ-BXD sáp nhập Công ty Gạch Granit Tiên Sơn vào Công ty Gạch men Thăng Long và đổi tên thành Công ty Gạch ốp lát Thăng Long Viglacera.

Ngày 31/12/2003. Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quyết định số 1778/QĐ- BXD về việc chuyển Nhà máy Gạch men Thăng Long thuộc Công ty Gạch ốp lát Thăng Long Viglacera thành Công ty cổ phần Gạch men Thăng Long Viglacera.

Trong những ngày đầu mới thành lập. Công ty chỉ có 01 dây chuyền sản xuất gạch men ốp tường theo công nghệ nung 2 lần với công suất thiết kế 3 triệu m²/năm theo tiêu chuẩn Châu Âu EN159-1984. Ngay sau khi đi vào hoạt động. Công ty đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000 cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty. Đến tháng 8/2002. Công ty đã vinh dự được nhận chứng chỉ ISO do QUACERT và BVQI cấp.

Tháng 11/2002, Công ty đã thực hiện thành công đề án kết nối dây chuyền nâng tổng sản lượng của Công ty lên 4 triệu m²/năm. Đây thực sự là một thành công rất lớn được bạn bè đồng nghiệp và các chuyên gia nước ngoài khâm phục và đánh giá cao. Sau thành công này Công ty đã quyết định đầu tư thêm 01 dây chuyền với công suất thiết kế 1,5 triệu m²/năm và nâng công suất sản xuất của Công ty từ 4 triệu lên 5,5 triệu m²/năm.

Tháng 04 năm 2004, được sự đầu tư của Quỹ hỗ trợ Phát triển Vĩnh Phúc, sau 03 tháng chuyển thành công ty cổ phần, Công ty đã mạnh dạn đầu tư thêm dây chuyền số 04 với công suất là 3 triệu m²/năm nâng tổng công suất của Công ty lên 8,5 triệu m²/năm.

Tháng 4 năm 2007, Công ty cổ phần Gạch men Thăng Long Viglacera đổi tên thành Công ty cổ phần Gạch men Viglacera Thăng Long.

Tháng 3 năm 2010, CTCP Gạch men Viglacera Thăng Long đổi tên thành Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long.

- Các sự kiện khác.

Ngày 17/11/2006, chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán TLT.

Ngày 31/01/2013, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có quyết định số 34/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu CTCP Viglacera Thăng Long tại thị trường niêm yết để chuyển sang đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom. Ngày chính thức hủy niêm yết là 28/02/2013.

Ngày 03/06/2013, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 236/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Viglacera Thăng Long. Và ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM là ngày 19/06/2013.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh

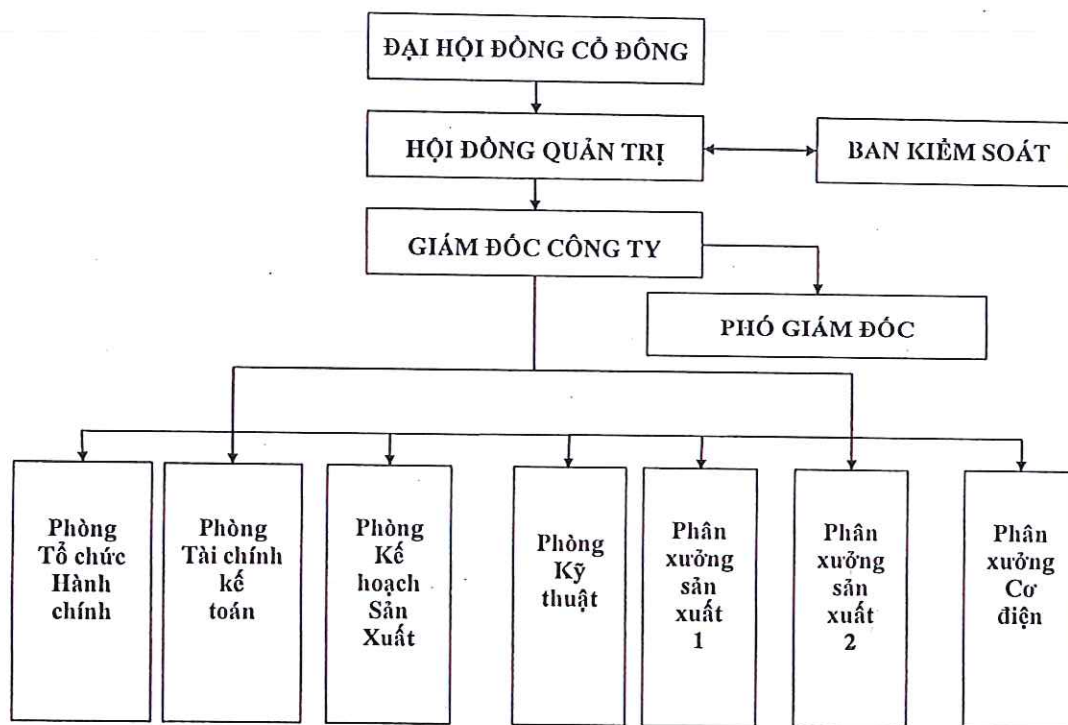
Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Địa bàn kinh doanh:

Trên phạm vi cả nước và xuất khẩu.

3. Mô hình quản trị Công ty, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị Công ty và cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết

❖ Tên công ty: Công ty cổ phần Thương mại Viglacera

Vốn điều lệ: 28.4 tỷ đồng.

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0103022396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp ngày 14/02/2008.

Trụ sở chính: Tầng 01, Toà nhà Viglacera Tower, Mễ Trì, Nam Từ Liêm - Hà Nội

Số điện thoại: 0243 5537846

Fax: 0243 5537648

Ngành nghề kinh doanh:

- + Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất;
- + Kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu, thiết bị, phụ tùng máy móc, hoá chất (trừ hoá chất nhà nước cấp), phụ gia phục vụ sản xuất công nghiệp và xây dựng;
- + Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ ăn uống, giải khát; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách sạn du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng Karaoke, vũ trường);
- + Đào tạo ngoại ngữ, tin học, đào tạo dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- + Sản xuất và mua bán các mặt hàng: gia dụng, linh kiện, thiết bị, các mặt hàng điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, tin học; đồ điện dân dụng; thiết bị văn phòng; máy tính, các thiết bị mạng và phần mềm máy tính;
- + Các dịch vụ về quảng cáo, thiết kế phục vụ quảng cáo; in và các dịch vụ liên quan đến in;
- + Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, tuyến cố định;
- + Kinh doanh đại lý xăng, dầu, gas;
- + Sản xuất, mua bán ô tô, xe máy, phụ tùng ô tô, xe máy;
- + Tư vấn du học;
- + Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, phiên dịch, dịch vụ dịch thuật, dịch vụ làm visa, hộ chiếu; Dịch vụ giao nhận hàng hoá;
- + Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả, thu đổi ngoại tệ, đại lý bảo hiểm;
- + Tổ chức các hội nghị, hội thảo, triển lãm;
- + Sản xuất, mua bán và gia công các mặt hàng thủ công mỹ nghệ;
- + Mua bán lương thực, thực phẩm, rượu, bia các loại;
- + Sản xuất và mua bán các loại bánh kẹo, đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết);
- + Đại diện cho thương nhân;
- + Quản lý dự án xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- + Xử lý nền móng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, nông lâm nghiệp, thuỷ lợi, giao thông vận tải và hạ tầng kỹ thuật;
- + Thi công trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- + Dịch vụ uỷ thác xuất, nhập khẩu; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- + Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long góp 3,51% vốn điều lệ (trương đương 1 tỷ đồng mệnh giá) tại Công ty cổ phần Thương mại Viglacera.

❖ Tên Công ty: Công ty cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera.

Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0105908818 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/06/2012.

Trụ sở chính: Tầng 2 tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại: 024 3543 0726

Fax: 024 3543 0725

Ngành nghề kinh doanh:

- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- + Hoạt động thiết kế chuyên dụng, hoạt động trang trí nội thất;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long góp 30% vốn điều lệ (trương đương 9 tỷ đồng mệnh giá) tại Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera.

4. Định hướng phát triển.

Với mục tiêu “Sản xuất các sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu và sản xuất các sản phẩm để xuất khẩu” đồng thời xác định “Chất lượng sản phẩm là giá trị cốt lõi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty”. Công ty đã lựa chọn và xây dựng một chiến lược kinh doanh nhằm phù hợp với tình hình hiện tại và có tính khả thi cao như: chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng sản phẩm có kích thước lớn và có giá trị kinh tế cao; khai thác tối đa năng lực máy móc thiết bị hiện có, tập trung đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Hợp tác chiến lược với các nhà cung cấp vật tư nguyên nhiên liệu, nhằm ổn định chất lượng đầu vào, giúp cho quá trình sản xuất ổn định hơn; Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp toàn diện, bao gồm: Quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh, quản trị tài chính và quản trị nguồn nhân lực, nhằm xác định rõ những điểm mạnh, điểm yếu của từng quá trình từ đó xây dựng những giải pháp thực thi có hiệu quả; Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhằm nâng cao năng lực cán bộ có trình độ.

5. Các rủi ro.

Rủi ro về kinh tế

Đối với nhóm sản phẩm gạch men, giai đoạn vừa qua nhiều nhà máy sản xuất gạch men được đầu tư tràn lan tại các địa phương dẫn đến sự mất cân đối về cung - cầu khiến bản thân các doanh nghiệp trong nước cạnh tranh lẫn nhau khốc liệt. Việc Việt Nam cam kết tham gia đầy đủ vào Chương trình Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPTs) của AFTA cũng sẽ mang đến những cơ hội cho việc xuất khẩu các sản phẩm gạch men của Công ty ra nước ngoài, tuy nhiên đây sẽ là thách thức đối với doanh nghiệp khi phải đối mặt với các sản phẩm gạch men của nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam.

Năm 2021 do ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề nên Công ty cũng gặp phải khó khăn rất lớn.

Rủi ro về ngành nghề

Trong tiến trình gia nhập AFTA, WTO và gần đây là EVFTA chính phủ Việt Nam đã buộc phải gỡ bỏ hàng rào bảo hộ (thuế quan và phi thuế quan) đối với phần lớn các ngành hiện đang nhận được sự bảo hộ của Nhà nước. Vì vậy, sự cạnh tranh với hàng ngoại nhập, nhất là hàng Trung Quốc và các nước Châu Âu trên thị trường ngày càng quyết liệt hơn.

Rủi ro về tài chính

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty cũng chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng.

Rủi ro về kỹ thuật

Ngoài những ưu thế riêng về kinh nghiệm trong quá trình sản xuất, công ty đã xây dựng được quy trình sản xuất khoa học, giảm thiểu chi phí vật tư đầu vào. Đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề, có kinh nghiệm sản xuất thực tế đảm bảo phát huy tối đa công suất của thiết bị, thực hiện thành công các kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Công ty đã đề ra. Hiện nay, các đơn vị trong cùng ngành đã đầu tư các trang thiết bị sản xuất tiên tiến, công suất lớn, nhằm tiết giảm nhiều chi phí trong sản xuất đặc biệt là chi phí nhân công. Đây là vấn đề mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi cạnh tranh về giá khi đưa sản phẩm ra chào bán trên thị trường.

Rủi ro quản lý

Nền kinh tế thị trường cùng với xu thế hội nhập đặt ra cho Công ty rất nhiều những cơ hội cũng như thách thức. Những biến động về giá vật tư đầu vào; Yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm ngày càng tăng; ... đòi hỏi Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết, có kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây là một trong những rủi ro và thách thức lớn nhất đối với Công ty hiện tại và trong tương lai.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty còn có thể gặp phải các rủi ro như thiên tai, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Năm 2021 thị trường ảnh hưởng rất lớn bởi dịch Covid -19 đặc biệt là từ ngày 23/07/2021 TP Hà Nội thực hiện giãn cách xã hội. TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam thực hiện giãn cách trước đó nên doanh thu tháng 8, tháng 9 đạt thấp. Từ tháng 10/2021 thực hiện Nghị quyết số 128 của Chính phủ trong việc thích ứng an toàn và linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid 19 tình hình tiêu thụ của Công ty đã được duy trì trở lại.

Trong giai đoạn các thị trường tiêu thụ chính là TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội đều thực hiện giãn cách Công ty đã điều chỉnh kế hoạch sản xuất để đảm bảo an toàn và giảm thiểu rủi ro hàng tồn kho do vậy trong năm 2021 đã giảm tồn kho được so với đầu năm 438.113 m2.

- Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh toàn công ty

Chỉ tiêu	TH năm 2020	KH năm 2021	TH năm 2021	So sánh (%)	
				TH/ KH	TH2021/ TH2020
Doanh thu thuần	582.337.546.07	546.900.000.0	567.795.922.88	104	98
Giá vốn hàng bán	522.662.966.72	490.013.000.0	508.127.923.84	104	97
Doanh thu tài chính	235.257.731	0	91.457.504		39
Chi phí tài chính	13.559.069.402	12.150.000.00	11.069.364.924	91	82
Chi phí bán hàng	9.134.929.499	10.553.000.00	9.540.266.503	90	104
Chi phí quản lý DN	23.042.649.403	24.184.000.00	22.704.848.499	94	99
Lợi nhuận thuần từ KD	14.173.188.777	10.000.000.00	16.444.976.618	164	116
Thu nhập khác	1.663.876.485	0	2.426.384.008		146
Chi phí khác	3.051.024.456	0	6.865.887.659		225
Lợi nhuận trước thuế	12.786.040.806	10.000.000.00	12.005.472.967	120	94
Lợi nhuận sau thuế	9.814.618.962	8.000.000.000	9.492.099.862	119	97

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 và năm 2021)

Nhìn vào bảng so sánh trên chúng ta có thể thấy kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt thấp hơn so với năm 2020. Nguyên nhân là do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 Doanh thu thuần bằng 97,5%, lợi nhuận trước thuế bằng 93,9 %.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Ghi chú
1	Đoàn Hải Mậu	Kỹ sư hóa Silicat, thạc sỹ QTKD	Giám đốc điều hành	
2	Phạm Ngọc San	Kỹ sư hóa Silicat	Phó giám đốc	
3	Luyện Công Anh	Cử nhân kinh tế, thạc sỹ tài chính	Kế toán trưởng	

- Lý lịch của Ban điều hành

Giám đốc:

Họ và tên: Đoàn Hải Mậu

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/03/1978

Quê quán: Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: SN 70, đường Bùi Thị Xuân, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại liên lạc: 0912.447.525

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa Silicat và thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

+ Từ 7/2001 đến 2/2002: Nhân viên Ban chuẩn bị sản xuất Nhà máy gạch Granite Tiên Sơn.

+ Từ 3/2002 đến 7/2003: Đốc công PXSX CT gạch ốp lát Thăng Long Viglacera.

+ Từ 8/2003 đến 5/2006: Phó quản đốc PXSX.

+ Từ 1/2007 đến 2/2010: Quản đốc PXSX.

+ Từ 3/2010 đến 7/2012: Giám đốc nhà máy Viglacera Tiên Sơn.

+ Từ 8/2012 đến 7/2013: PGĐ CTCP Viglacera Tiên Sơn kiêm GD nhà máy Viglacera Thái Bình.

+ Từ 7/2013 đến nay : Giám đốc CTCP Viglacera Thăng Long.

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 31/12/2021): 90.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,129% tổng số vốn cổ phần.

Phó giám đốc

Họ và tên: Phạm Ngọc San

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/02/1978

Quê quán: Xã Trục Phương, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Cổ Nhuế 2- Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại liên lạc: 0913.372.705

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư hóa Silicat

Quá trình công tác:

+ Từ năm 2002 – 7/2007 làm Trưởng Phòng công nghệ dự án, Công ty CP Tư vấn Viglacera.

+ Từ tháng 8/2007 – 10/2013 làm Phó phòng KHĐT Công ty CP Đầu tư và Phát triển dịch vụ dầu khí.

+ Từ tháng 11/ 2013 – 9/2017 làm Quản đốc phân xưởng sản xuất 02, Công ty CP Viglacera Thăng Long.

+ Từ tháng 10/2017 -12/2018 làm Giám đốc Công ty CP Bê tông khí Viglacera.

+ Từ tháng 01/2019 đến nay làm Phó giám đốc Công ty CP Viglacera Thăng Long.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 31/12/2021): 0 cổ phần

Kế toán trưởng

Họ và tên: Luyện Công Anh

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/11/1987

Quê quán: Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 679 Lạc Long Quân - Quận Tây Hồ - Hà Nội

Điện thoại liên lạc: 0987.588.866

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế và Thạc sỹ tài chính

Quá trình công tác:

+ Từ năm 2014-2015: Là nhân viên tài chính kế toán tại Công ty TNHH Kính nổi Việt nam.

+ Từ năm 2015- 2017: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Visaho.

+ Từ năm 2017-2020: Phó Phòng pháp chế đối ngoại Tổng công ty Viglacera - CTCP.

+ Tháng 11/2020-nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long.

+ Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 31/12/2021): 0 cổ phần

- **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tính đến thời điểm 31/12/2021 toàn lao động của công ty có 380 người được thể hiện theo cơ cấu trong bảng sau:

Trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Thạc sỹ, tiến sỹ	5	1,3
2. Đại học, cao đẳng	121	31,8
3. Trung cấp, Sơ cấp	126	33,2
4. Lao động phổ thông	128	33,7
TỔNG CỘNG	380	100

Các chính sách với người lao động:

Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, và đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc. Ngoài ra trong quá trình làm việc căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty. Công ty sẽ có chế độ đào tạo thích hợp.

Chính sách tiền lương

Chính sách tiền lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng để kích thích người lao động tích cực làm việc cống hiến cho công ty.

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ luật Lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể. Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để CBCNV trong Công ty tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chính sách phân phối lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông của Công ty được quy định như sau:

+ Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi.

+ Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội cổ đông.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera và Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera nên kết quả kinh doanh có một số chỉ tiêu chưa đạt được kế hoạch đề ra.

4. Tình hình tài chính.

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	350.198.467.513	326.127.194.650	-6,9
Doanh thu thuần	582.337.546.073	567.795.922.881	-2,5
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.173.188.777	16.444.976.618	16,0
Lợi nhuận khác	-1.387.147.971	-4.439.503.651	
Lợi nhuận trước thuế	12.786.040.806	12.005.472.967	-6,1
Lợi nhuận sau thuế	9.814.618.962	9.492.099.862	-3,3
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	0,0

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	0,80 lần	0,87 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,16 lần	0,29 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75 lần	0,72 lần	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,97 lần	2,63 lần	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	3,44 lần	3,62 lần	

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,66 lần	1,74 lần	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,69%	1,67%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,12%	10,56%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,80%	2,91%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 6.989.800 cổ phiếu thường, cổ phiếu quỹ: không

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 6.989.800 cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không

Cổ tức, lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: không

b. Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2021

TT	Tên cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Viglacera		Tầng 16, 17 Tòa nhà Viglacera. Số 01 Đại lộ Thăng Long, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	3.570.000	51,07
2	Nguyễn Minh Tuấn	010411942	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	1.081.000	15,47

Cơ cấu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước			
<i>Cá nhân</i>	396	3.387.952	48,47
<i>Tổ chức</i>	13	3.570.738	51,08
II. Cổ đông nước ngoài			
<i>Cá nhân</i>	7	16.110	0,23
<i>Tổ chức</i>	1	15.000	0,21
<i>Tổng</i>	417	6.989.800	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 31/12/2021 do VSD cung cấp)

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Tác động đến môi trường.

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.

6.2 Quản lý nguồn vật liệu.

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ trong năm.

- Than: 22.044.000 kg
- Khí LPG: 1.023.201 kg
- Khí CNG: 86.345 mmBTU
- Màu: 60.264 kg
- Men: 6.773.964 kg
- Xương: 140.841.107 kg
- Bao bì vỏ hộp: 6.199.629 cái

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ: 100%

6.3 Tiêu thụ năng lượng.

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Điện: 20.098.484 kwh
- Dầu diezen: 159.887 lít

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không có.

6.4 Tiêu thụ nước.

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc
- Lượng nước sử dụng: 33.476 m³

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước lượng tái chế, tái sử dụng: 100%.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động.

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình người lao động.

- Số người lao động: 380 người
- Mức lương trung bình: 12,7 triệu đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- + Ký kết thỏa ước lao động tập thể;
- + Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN;
- + Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho người lao động;
- + Tổ chức phong trào thể thao, văn nghệ;
- + Thực hiện chuẩn hệ thống đảm bảo ATLĐ và PCCN;

- + Chế độ bồi dưỡng độc hại;
- + Thăm hỏi ốm đau...

c. Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

TT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số người tham gia	Số giờ đào tạo
1	Huấn luyện ATVSLĐ, vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ	CBCNV	350	32
2	Đào tạo Cao đẳng Viglacera online	Công nhân	22	64
3	Đào tạo làm chủ cảm xúc và tạo động lực	CBQL và NV	41	16
4	Quản trị rủi ro vào chống lãng phí	CBQL và NV	36	8
6	Đào tạo Autocad 2D cho NV thiết kế, P kỹ thuật	Nhân viên	1	120
7	Huấn luyện 2 chương trình diễn tập PCCC và PCBL tại hiện trường	CBCNV	45	4
8	Đào tạo An toàn hóa chất	CBCNV	78	8
9	Đào tạo lớp Lãnh đạo tạo lãnh đạo	CBQL	25	16
10	Đào tạo chuyên sâu cho công đoạn trang trí sản phẩm mộc	Công nhân	21	48
11	Đào tạo chuyên sâu công đoạn PLX	Công nhân	25	32
12	Đào tạo kiến thức cơ bản về mỹ thuật	Nhân viên	4	120
	Cộng		648	468

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

+ 100% cán bộ CNV mới tuyển dụng đều được học nội quy và quy trình công nghệ của Công ty nhằm bước đầu làm quen với công việc và hiểu thêm về các giá trị cốt lõi của Công ty. Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về cải tiến kỹ thuật công nghệ, về kỹ năng quản lý cho cán bộ CNV từ đó năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc được nâng cao. Giúp cho người lao động cập nhật các kiến thức, kỹ năng mới, áp dụng thành công các thay đổi về kỹ thuật công nghệ.

+ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục: Công ty tiếp tục duy trì và phát huy mảng đào tạo phát triển kỹ năng quản lý cho lực lượng lao động chủ chốt của Công ty.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

+ Hỗ trợ hội chữ thập đỏ tỉnh Vĩnh Phúc: 100.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ Phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc 200 kg Cloramin B và 15 súng bắn nhiệt độ cơ thể.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1 Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD chính.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh (%)	
						TH/KH	TH21/T H20
1	LN trước thuế	tr.đồng	12.786	10.000	12.005	120	94
2	Doanh thu thuần	tr.đồng	582.338	546.900	567.796	104	98
3	KH cơ bản	tr.đồng	26.248	28.851	27.675	96	105
4	Giá trị SXCN (HH)	tr.đồng	582.154	525.800	545.848	104	94
5	Giá trị tồn kho TP	tr.đồng	99.545	90.042	74.965	83	75
6	Công nợ phải thu	tr.đồng	22.175	34.500	21.579	63	97
7	Chi phí bán hàng	tr.đồng	9.135	10.553	9.540	90	104
8	Chi phí Quản lý	tr.đồng	23.043	24.184	22.705	94	99
9	Chi phí Tài chính	tr.đồng	13.559	12.150	11.069	91	82
10	Lao động bình quân	người	380	390	380	97	100
11	Thu nhập BQ/ng/thg	1000đ	11.933	12.352	12.677	103	106

1.2. Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.

1.2.1. Công tác sản xuất.

* Sản lượng sản xuất:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	TH 2021	So sánh		
						TH/KH (%)	TH-KH (m2)	TH/C.Kỳ (%)
1	PXSX01	m2	6.436.832	5.209.079	5.251.883	100,8	42.804	81,6
	KT 250x400	m2	500.363	459.165	459.165	100,0	0	91,8
	KT 300x450	m2	985.967	373.350	373.350	100,0	0	37,9
	KT 300x600	m2	4.606.422	4.179.013	4.218.932	101,0	39.919	91,6
	KT 300x600 PL	m2	212.695					
	KT 400x800	m2	131.385	197.551	200.436	101,5	2.885	152,6
2	PXSX02	m2	1.940.366	1.854.361	1.861.322	100,4	6.961	95,9
	KT 300x600 BS	m2	401.639	163.965	164.113	100,1	148	40,9
	KT 300x600 GC	m2	18.573	0			0	0,0
	KT 150x600 BS	m2	91.111	91.258	87.962	96,4	-3.296	96,5
	KT 300x300 JS	m2	51.992					0,0
	KT 200x800 BS	m2	28.515				0	0,0
	Ngói sóng R	m2	126.935	27.684	27.684	100,0	0	21,8
	Ngói sóng Q	m2	511.295	374.444	350.514	93,6	-23.930	68,6
	Ngói sóng S	m2	710.306	1.130.280	1.157.244	102,4	26.964	162,9
	Ngói phẳng T	m2		48.079	55.154	114,7	7.075	
	Ngói phẳng PT01	m2		18.651	18.651		0	
	Cộng		8.377.198	7.063.440	7.113.204	100,7	49.764	84,9

Trong năm 2021 sản lượng sản xuất của Công ty đạt 7.113.204 m² bằng 100,7 % so với kế hoạch và giảm 15 % so với thực hiện năm 2020, trong đó:

- Phân xưởng sản xuất 01

Sản lượng sản xuất đạt 5.251.883 m² bằng 100,8 % so với kế hoạch và bằng 81,6% so với thực hiện năm 2020. Sản lượng sản xuất thấp hơn 1.184.949 m² so với thực hiện năm 2020 là do ảnh hưởng bởi dịch Covid -19 PXSX1 phải dừng sản xuất tại dây chuyền 2 từ tháng 08 đến tháng 12, dây chuyền 1 giảm 25% công suất trong tháng 9,10. Tổng sản lượng sản xuất giảm so với năm 2020 do ảnh hưởng bởi Covid - 19 là 1.280.000 m². Ngoài trừ yếu tố dừng sản xuất do dịch Covid

-19, trong năm 2021 sản lượng sản xuất các sản phẩm đều tăng được từ 2-3 % so với thực hiện năm 2020.

- Phân xưởng sản xuất 02

Sản lượng sản xuất đạt 1.861.322 m² bằng 100,4% so với kế hoạch và bằng 95,9 % so với thực hiện năm 2020. Trong năm 2021 PXSX 2 đã giảm sản lượng sản xuất gạch bán sứ và tăng sản lượng sản xuất ngói nên sản lượng đạt thấp hơn năm 2020. Sản lượng sản xuất bình quân/ngày các sản phẩm ngói trong năm đều đạt và vượt kế hoạch.

*** Về chất lượng sản phẩm.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	TH 2021	So sánh (%)	
						TH/KH	TH21/TH20
1	PXSX01	%	94,6	95,0	95,9	100,9	101,3
	KT 250x400	%	96,5	95,0	96,3	101,3	99,8
	KT 300x450	%	95,6	95,0	97,0	102,1	101,5
	KT 300x600	%	94,6	95,0	95,9	100,9	101,3
	KT 300x600 PL	%	88,2	95,0			
	KT 400x800	%	91,5	95,0	93,3	98,2	102,0
2	PXSX02	%	93,8	95,0	95,6	100,7	102,0
	KT 300x600 BS	%	91,8	95,0	92,8	97,6	101,0
	KT 300x600 GC	%	99,1	95,0			
	KT 150x600 BS	%	95,0	95,0	96,1	101,2	101,2
	KT 300x300 JS	%	90,8	95,0		0,0	
	KT 200x800 BS	%	88,5	95,0			
	Ngói sóng R	%	94,0	95,0	97,6	102,7	103,8
	Ngói sóng Q	%	93,0	95,0	96,8	101,9	104,2
	Ngói sóng S	%	95,7	95,0	95,9	101,0	100,2
	Ngói phẳng T	%		95,0	93,0		
	Ngói phẳng PT01	%		95,0	83,5		
	Cộng		94,4	95,0	95,8	100,9	101,5

Chất lượng sản phẩm toàn Công ty đạt 95,8 % bằng 100,9 % kế hoạch 2021 và tăng 1,3% so với thực hiện năm 2020, các sản phẩm đều đạt TCCS của Tổng công ty.

- Chất lượng sản phẩm tại PXSX 01 đạt 95,6% bằng 100,9 % kế hoạch và tăng 1,3% so với thực hiện năm 2020. Trong năm PXSX01 đã phát triển bộ sản phẩm 300x600 Sông Hồng, Cửu Long với chất lượng độ bóng được nâng cao, được thị trường đón nhận tích cực.

- Chất lượng sản phẩm tại PXSX 02 đạt 95,6% bằng 100,7% kế hoạch và tăng 2% so với thực hiện năm 2020. Trong đó tất cả các sản phẩm ngói thực hiện đạt kế hoạch và tốt hơn so với năm 2022.

*** Về tỷ lệ hao hụt**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	TH 2021	So sánh	
						TH-KH	TH 21 - TH 20
1	PXSX01	%	1,8	1,5	1,4	-0,1	-0,4
2	PXSX02	%	1,9	1,5	1,1	-0,4	-0,8

Năm 2021 tỷ lệ thu hồi của cả hai phân xưởng đều thực hiện đạt kế hoạch và giảm so với thực hiện năm 2020

1.2.1 Công tác bán hàng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2020	KH 2021	TH 2021	So sánh	
						TH/KH	TH21/TH20
1	Doanh thu tiêu thụ	Tr.đ	582.338	546.900	567.796	104%	98%
2	Sản lượng tiêu thụ	m2	8.430.526	7.246.000	7.539.446	104%	89%
3	Sản lượng tồn kho	m2	1.509.401	1.327.401	1.071.288	81%	71%

Năm 2021 doanh thu thuần của Công ty đạt 568 tỷ đồng bằng 104% kế hoạch 2021 và bằng 98% so với thực hiện năm 2020.

Năm 2021 thị trường ảnh hưởng rất lớn bởi dịch Covid -19 đặc biệt là từ ngày 23/07/2021 TP Hà Nội thực hiện giãn cách xã hội. TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam thực hiện giãn cách trước đó nên doanh thu tháng 8,9 đạt thấp. Từ tháng 10/2021 thực hiện Nghị quyết số 128 của Chính phủ trong việc thích ứng an toàn và linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid 19 tình hình tiêu thụ của Công ty đã được duy trì trở lại.

Trong giai đoạn các thị trường tiêu thụ chính là TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội đều thực hiện giãn cách Công ty đã điều chỉnh kế hoạch sản xuất để đảm bảo an toàn và giảm thiểu rủi ro hàng tồn kho do vậy trong năm 2021 đã giảm tồn kho được so với đầu năm 438.113 m2.

1.3 Công tác khoa học công nghệ.

1.3.1 Về công nghệ.

- Thử nghiệm và đưa vào sử dụng bài xương ốp và ngói trong điều kiện nguồn đất sét dẻo hạn chế đảm bảo ổn định sản xuất và đạt kế hoạch giao khoán về giá thành bài xương.

- Thử nghiệm và đưa vào sử dụng các bài phối liệu men engobe và men nền PXSX01 có giá thành giảm từ 3% - 5%, bài men ngói giảm 5%.

- Đưa vào sử dụng 100% phế mài, gạch phế nghiền và bã men vữa mang lại hiệu quả kinh tế vừa không gia tăng lượng phế thải rắn làm ảnh hưởng đến môi trường.

- Phòng kỹ thuật thường xuyên phối hợp với Phân xưởng xử lý các yếu tố công nghệ phát sinh để nhanh chóng đưa sản xuất về ổn định.

1.3.2 Về cải tiến thiết bị.

- Di chuyển tủ điện động lực lò ngói số 1&2 từ tầng 2 lên tầng 3 để thuận tiện cho công tác vận hành và xử lý khi xảy ra mất điện;

- Hoàn thiện giải pháp làm mát bột cho sấy phun PXSX2. Kết quả nhiệt độ bột ra khỏi sấy phun từ 51⁰C xuống 34⁰C do vậy giảm thoát hơi ẩm và thoát nhiệt trong gầu nâng, nâng cao tuổi thọ của gầu nâng;

- Hoàn thành dự án cấp bột ép tự động tại PXSX1: Giảm sức lao động cho công nhân vận hành và điều chỉnh mềm lượng bột tại các silo;

- Hoàn thiện lắp chổi quét mặt ngói cho cả 2 dây chuyền tại PXSX2 dùng băng tải lông và giải pháp hút bụi đảm bảo không dùng khí nén trên dây chuyền;

- Cải tạo máy mài mặt gạch Biscuit cho lò nung dây chuyền 01 có tích hợp mài cạnh gạch;
- Lắp động cơ 90KW hiệu suất cao cho máy nghiền xương đã tiết kiệm điện bình quân 10% so với động cơ cũ;
- Cải tạo hệ thống băng tải tận thu bột dưới gầm xe liệu máy ép Keda PXSX2;
- Đưa vào vận hành hệ thống nghiền gạch phế làm nguyên liệu xương để tận dụng 100% phế phẩm vào làm nguyên liệu. Lượng nghiền bình quân đạt 150 tấn/tháng;

1.3.3 Công tác phát triển sản phẩm mới.

- Phát triển bộ sưu tập Cửu Long, Sông Hồng kích thước 300x600 mm, bề mặt sản phẩm được cải thiện rõ rệt và được khách hàng tin tưởng sử dụng.
- Phát triển thêm thương hiệu ngói UN.
- Phát triển dòng sản phẩm ngói phẳng Piata giá trị cao.

1.4. Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và đáp ứng nguyên liệu đầu vào.

1.4.1 Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.

Năm 2021 được đánh giá là một năm hết sức khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 do vậy Công ty đã không lập kế hoạch đầu tư thiết bị lớn chỉ tập trung công tác BDSCL và đầu tư bổ sung thiết bị nhỏ lẻ.

1.4.2. Công tác đáp ứng nguyên liệu, vật tư.

- Trong năm 2021 Phòng kế hoạch sản xuất cơ bản đáp ứng đầy đủ vật tư cho sản xuất không để ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công tác dự trữ đất sét những tháng đầu năm do ảnh hưởng bởi dịch Covid nên lượng dự trữ còn thấp. Trong quý 4 Công ty tích cực nhập bổ sung đất sét đã đảm bảo đủ trữ lượng cho sản xuất 1 năm, tuy nhiên lượng đất sét dẻo vùng Hải Dương vẫn còn chưa cao.
- Giá mua nguyên liệu đầu vào: Công ty đã chủ động đàm phán giá nguyên liệu đầu vào giảm giá nguyên liệu xương đạt kế hoạch. Do ảnh hưởng giá dầu thế giới cũng như giá vận chuyển và nguyên liệu từ Trung Quốc bị tăng dẫn đến giá nhiên liệu và nguyên liệu men màu bị tăng.

1.5. Công tác tổ chức lao động, chế độ chính sách cho người lao động và công tác đào tạo.

1.5.1 Về công tác tổ chức lao động.

- Lao động bình quân năm 380 người.
- Trong năm 2021 tình hình lao động ổn định không có nhiều biến động. Lao động đã đáp ứng đầy đủ đảm bảo sản xuất ổn định.
- Trong năm Công ty tiếp tục tuyển bổ sung lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm làm trong ngành ceramic, các kỹ sư Silicat, điện, tự động hóa, cơ khí.

1.5.2 Về thực hiện chế độ chính sách cho người lao động.

- Triển khai ký lại toàn bộ hợp đồng lao động đảm bảo phù hợp với quy định mới;
- Thực hiện nâng bậc thợ cho 117 CBCNV; Lập danh sách đề nghị BHXH chi trả tiền hỗ trợ từ quỹ BHTN cho NLĐ do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 theo QĐ số 28/2021/QĐ-TTg với tổng số tiền: 921.250.000 đồng;
- Công tác bảo hiểm xã hội: Tổng số phát sinh BHXH, BHYT, BHTN trong năm 2021 là 6,5 tỷ đồng số đã nộp là 6,5 tỷ, không nợ bảo hiểm;

- Thăm hỏi và chi trả chế độ ốm đau, thai sản, trợ cấp thôi việc 2021 là 45 lượt người tương ứng với số tiền 157 triệu đồng.

1.5.3 Về công tác đào tạo.

Trong năm 2021 Công ty thực hiện đào tạo công tác an toàn lao động cho toàn bộ CBCNV Công ty. Công ty phối hợp cùng trường cao đẳng Viglacera mở các lớp đào tạo ngắn hạn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và tay nghề cho CBCNV Công ty. Ngoài ra Công ty còn cử cán bộ đi tập huấn các trường đào tạo bên ngoài như: Tập huấn Luật Môi trường, 5S/Kaizen; ISO, lao động tiền lương.

Do ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19 nên nhiều khóa đào tạo không thực hiện được theo kế hoạch. Tổng chi phí đào tạo năm 2021 là 352 tr.đồng (KH: 731 tr.đồng) đạt 48% kế hoạch. Trong đó 280 tr.đồng chi phí đào tạo trích từ Công ty; 72 tr.đồng được hỗ trợ từ Tổng công ty Viglacera. Tổng số khóa đào tạo là 12 (KH: 32 khóa) Số lượt người được tham gia đào tạo là 648 lượt người.

Các lớp đào tạo cụ thể như sau:

TT	Nội dung đào tạo	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	Thời gian
1	Huấn luyện ATVSLĐ, vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ	Người	350	350	100%	Tháng 03
2	Đào tạo Cao đẳng Viglacera online	Người	22	22	100%	Duy trì
3	Đào tạo làm chủ cảm xúc và tạo động lực	Người	41	41	100%	Tháng 04
4	Quản trị rủi ro vào chống lãng phí	Người	36	36	100%	Tháng 04
5	Đào tạo Autocad 2D cho NV thiết kế, P kỹ thuật	Người	01	01	100%	Tháng 08
6	Huấn luyện 2 chương trình diễn tập PCCC và PCBL tại hiện trường	Người		45	100%	Tháng 10
7	Đào tạo An toàn hóa chất	Người		78		Tháng 11
8	Đào tạo lớp Lãnh đạo tạo lãnh đạo	Người	25	25	100%	Tháng 11
9	Đào tạo chuyên sâu cho công đoạn trang trí sản phẩm mộc	Người	21	21	100%	Tháng 12
10	Đào tạo chuyên sâu công đoạn PLX	Người	25	25	100%	Tháng 12
11	Đào tạo kiến thức cơ bản về mỹ thuật	Người		04		Tháng 12
	Cộng		521	648		

1.6. Công tác ANTT, AT-VSLĐ, PCCC, PCCN, ISO Môi trường và 5s/kaizen.

- Công tác an ninh trật tự, giám sát nhập – xuất kho thành phẩm, vật tư nguyên, nhiên vật liệu được duy trì tốt.

- Đảm bảo tốt công tác ANTT không để xảy ra thất thoát tài sản của công ty.

- Thường xuyên hướng dẫn, nhắc nhở, đôn đốc CBCNV thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của Công ty, đặc biệt chú trọng trong việc thực hiện đúng quy định về giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi và công tác bảo hộ lao động của CBCNV.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và quyết liệt trong việc nhắc nhở, xử lý các nguy cơ mất an toàn, không để xảy ra việc mất an toàn trong sản xuất, đảm bảo công tác vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt.

- Công tác thực hiện 5S - Kaizen đã được duy trì và ngày một hoàn thiện, đã trở thành công việc hàng ngày của người lao động. Các sáng kiến đưa lên đã được đánh giá và khen thưởng kịp thời.

- Duy trì thực hiện chất lượng và môi trường theo hệ tiêu chuẩn ISO.

1.7. Công tác phòng chống dịch covid-19.

- Kịp thời chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tổng công ty Viglacera – CTCP và của tỉnh Vĩnh Phúc về công tác phòng chống dịch Covid-19.

- Triển khai xét nghiệm Covid - 19 hàng tuần cho CBCNV.

- Công tác phòng chống dịch Covid – 19 thực hiện tốt, không để dịch bệnh trong Công ty; Trong giai đoạn cao điểm về dịch bệnh đã triển khai phương án 3 tại chỗ cho hơn 100 CBCNV ở lại khu nhà chung cư; mua sắm dụng cụ y tế, thực hiện phun khử khuẩn định kỳ, 98% lao động trong Công ty đã tiêm đủ 2 mũi vaccin và đang tiếp tục triển khai tiêm mũi 3.

2. Tình hình tài chính.

a. Tình hình tài sản.

Trong năm 2021 tổng tài sản của Công ty giảm 6,87 % tương ứng với 24,07 tỷ đồng so với năm 2020. Cơ cấu tài sản thay đổi. Tài sản ngắn hạn tăng 1,29 % tương ứng tăng 2,46 tỷ đồng so với năm 2020. Tài sản dài hạn giảm 16,62 % tương ứng giảm 26.53 tỷ đồng so với năm 2020. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu do hao mòn lũy kế tài sản cố định trong năm.

Hiệu quả sử dụng tài sản:

Hệ số doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2020 = 1,66

Hệ số doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2021 = 1,68

Hệ số lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản năm 2020 = 0,037

Hệ số lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản năm 2021 = 0,037

b. Tình hình nợ phải trả.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
NỢ PHẢI TRẢ	261.950.313.755	236.237.278.080
I Nợ ngắn hạn	238.220.637.827	220.716.684.492
1 Phải trả người bán ngắn hạn	72.404.402.805	52.089.045.187
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.509.481	1.782.391.787
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.855.461.624	4.726.769.485
4 Phải trả người lao động	2.693.826.447	10.621.730.918
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	6.853.915.417	4.896.659.112
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.318.678.476	1.318.678.476
7 Phải trả ngắn hạn khác	1.949.409.096	4.067.453.198
8 Vay và nợ thuê TC ngắn hạn	140.385.744.363	140.544.766.211
9 Quỹ khen thưởng phúc lợi	751.690.118	669.190.118
II Nợ dài hạn	23.729.675.928	15.520.593.588
1 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	3.847.126.221	2.528.447.745
2 Phải trả dài hạn khác	1.042.569.400	1.042.069.400
3 Vay và nợ thuê TC dài hạn	18.839.980.307	11.950.076.443

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 và năm 2021)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.

Trong năm 2021 Công ty duy trì định biên lao động theo hướng tinh gọn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất lao động đã thực hiện từ năm 2020.

Về thực hiện chế độ chính sách cho người lao động: Công ty đã thực hiện chế độ chính sách cho người lao động đầy đủ.

Về tiền lương Công ty đã thực hiện trả lương đúng thời hạn, mức lương cũng đã đảm bảo ổn định đời sống của CBCNV.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

a. Tăng trưởng và phát triển bền vững.

Công ty xác định mục tiêu và khẳng định sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Công ty chính là chất lượng sản phẩm. Vì vậy, Công ty sẽ tập trung triệt để cho công tác duy trì về chính sách chất lượng của sản phẩm ngay từ ngày đầu triển khai sản xuất và không ngừng tập trung phấn đấu để đạt được mục tiêu này.

b. Nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Để tồn tại và phát triển trong điều kiện môi trường kinh doanh có nhiều diễn biến phức tạp như hiện nay. Công ty phải không ngừng củng cố khả năng tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh nhằm khai thác tốt nhu cầu thị trường, cụ thể:

Định hướng phát triển những dòng sản phẩm mới có chất lượng tốt giá trị cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường; những dòng sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu và có khả năng xuất khẩu.

Thúc đẩy công tác tiêu thụ sản phẩm, tăng cường thu hồi công nợ đồng thời giảm tối đa hàng hóa, nguyên vật liệu tồn kho nhằm tăng vòng quay vốn lưu động, giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như năng lực tài chính của Công ty.

c. Đầu tư mở rộng và phát triển chiều sâu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Sau một thời gian sản xuất ổn định và hiệu quả, giai đoạn 2022 – 2025 Công ty dự kiến đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất công suất 3 triệu m²/năm trên diện tích đất sẵn có của Công ty.

Ngoài ra Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long sẽ luôn luôn phát triển theo chiều sâu để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong điều kiện thị trường luôn có sự cạnh tranh khốc liệt, môi trường kinh doanh biến động theo cả nền kinh tế vĩ mô trong nước và nền kinh tế thế giới. Trong đó, Công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực và thiết bị công nghệ. Nguồn nhân lực đóng vai trò quyết định đến sự thành bại của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty sẽ không ngừng hoàn thiện chính sách tuyển dụng, đào tạo và chính sách đãi ngộ đối với người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán bằng cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

Bên cạnh việc phát triển sản xuất kinh doanh và quản trị Công ty. Công ty luôn nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường và xã hội.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Lượng nước sử dụng: 33.476 m³

Điện: 20.098.484 kwh

Dầu diezen: 159.887 lít

Lượng phế liệu và nước thải công nghiệp được tái sử dụng 100%.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Số người lao động: 380 người
- Mức lương trung bình: 12,7 triệu đồng/người/tháng
- Công ty có chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - + Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN;
 - + Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho người lao động;
 - + Tổ chức phong trào thể thao, văn nghệ;
 - + Thực hiện chuẩn hệ thống đảm bảo ATLĐ và PCCN;
 - + Chế độ bồi dưỡng độc hại;
 - + Thăm hỏi ốm đau...

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Trong năm 2021 Công ty đã hỗ trợ cộng đồng để phòng chống dịch Covid 19.

- + Hỗ trợ hội chữ thập đỏ tỉnh Vĩnh Phúc: 100.000.000 đồng.
- + Hỗ trợ Phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc 200 kg Cloramin B và 15 súng bắn nhiệt độ cơ thể.
- + Vận động CBCNV ủng hộ chương trình mua vaccin của Quốc gia tối thiểu mỗi người một ngày lương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

- Lương, chế độ chính sách và chăm lo đời sống vật chất cho người lao động: Công ty thanh toán tiền lương và đóng các chế độ cho người lao động như BHYT, BHXH, BHTN đầy đủ, kịp thời.

- Toàn thể CBCNV trong toàn Công ty là một khối đoàn kết, với tinh thần trách nhiệm cao, đội ngũ CBCNV có trình độ tay nghề, kiên định chung tay xây dựng Công ty phát triển vững mạnh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Về nhiệm vụ kinh doanh: Ban giám đốc đã rất cố gắng trong việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021 trên các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông và Tổng công ty Viglacera – CTCP (Cổ đông chi phối) đã phê duyệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

a. Nâng cao chất lượng sản phẩm.

Chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, đáp ứng được tiêu chuẩn cơ sở của Tổng Công ty Viglacera-CTCP.

b. Nâng cao sản lượng sản xuất và đẩy mạnh phát triển sản phẩm mới.

Sản lượng năm 2021 là 7.113.204 m², các năm tiếp theo tiếp tục duy trì sản lượng ở mức lớn hơn 8 tr/m².

Đẩy mạnh sản xuất các dòng sản phẩm ngói mới, dòng sản phẩm Platinum và các dòng sản phẩm có giá trị cao.

- c. Tăng dự trữ nguyên liệu. Dự trữ nguyên liệu đất sét tại Công ty là 1 năm sản xuất.
d. Đảm bảo môi trường sản xuất trong sạch. Thiết bị hoạt động ổn định và luôn như mới.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị.

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu của Hội đồng quản trị: Gồm 5 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập không điều hành (Ông Đinh Quang Huy).

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Chức danh quản lý	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		Ghi chú
				Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)	
1	Lê Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	Giám đốc điều hành Công ty CP Viglacera Hà Nội			
2	Đinh Quang Huy	UV HĐQT		124.800	0,178	
3	Cao Thị Nhung	UV HĐQT	TP tổ chức lao động Tổng công ty Viglacera - CTCP			
4	Đoàn Hải Mậu	UV HĐQT	Giám đốc điều hành	90.000	0,129	
5	Nguyễn Việt Hồng	UV HĐQT	Quản đốc PXSX01	500	0,007	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021 được thể hiện qua các cuộc họp và lấy ý kiến biểu quyết bằng phiếu, cụ thể như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/TLT-HĐQT	09/01/2021	Phê duyệt KH BDSCL năm 2021	100%
2	02/TLT-HĐQT	12/01/2021	Phê duyệt đầu tư si lô chứa bột số 01 tại PXSX01	100%
3	02.1/TLT-HĐQT	20/01/2021	Phê duyệt đầu tư si lô chứa bột số 02 tại PXSX01	100%
4	03/TLT-HĐQT	20/01/2021	Phê duyệt lắp đặt khung giá đỡ si lô chứa bột tại PXSX01	100%
5	03.1/TLT-HĐQT	22/01/2021	Phê duyệt đầu tư làm sân và đường giáp kho than	100%
6	04/TLT-HĐQT	29/01/2021	Báo cáo tình hình quản trị Công ty niêm yết năm 2020.	100%
7	04.1/TLT-HĐQT	29/01/2021	Phê duyệt đầu tư sửa chữa đường giáp kho than	100%
8	05/TLT-HĐQT	03/02/2021	Nghị quyết thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 4.2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1.2021.	100%
9	06/TLT - HĐQT	24/02/2021	Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021	100%

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	06.1/TLT-HĐQT	16/03/2021	Phê duyệt đầu tư máy lọc từ tại PXSX01	100%
11	07/TLT-HĐQT	17/03/2021	Thông báo mời họp ĐHCĐ 2021	100%
12	08/TLT-HĐQT	25/03/2021	Nghị quyết HĐQT vay vốn phục vụ SXKD năm 2021	100%
13	10/TLT-HĐQT	09/04/2021	Nghị quyết thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 1.2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2.2021.	100%
14	11/TLT-HĐQT	09/04/2021	Tờ trình ban hành quy chế hoạt động của HĐQT	100%
15	12/TLT-HĐQT	09/04/2021	Ban hành quy chế hoạt động của HĐQT	100%
16	13/TLT - HĐQT	09/04/2021	Tờ trình ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	100%
17	14/TLT - HĐQT	04/06/2021	Phê duyệt đầu tư thiết bị kiểm soát kích thước cho dây chuyền đóng hộp số 1 – PXSX01	100%
18	15/TLT - HĐQT	04/06/2021	Phê duyệt đầu tư thiết bị kiểm soát độ phẳng cho dây chuyền đóng hộp số 1 – PXSX01	100%
19	16/TLT - HĐQT	15/06/2021	Phê duyệt đầu tư thiết bị kiểm soát kích thước cho dây chuyền đóng hộp số 2 – PXSX01	100%
20	17/TLT - HĐQT	15/06/2021	Phê duyệt đầu tư thiết bị kiểm soát độ phẳng cho dây chuyền đóng hộp số 2 – PXSX01	100%
21	18/TLT - HĐQT	18/06/2021	Phê duyệt thanh lý TSCĐ không cần dùng	100%
22	19/TLT-HĐQT	29/07/2021	Báo cáo tình hình quản trị công ty niên yết 6 tháng đầu năm 2021	100%
23	20/TLT-HĐQT	30/07/2021	Nghị quyết HĐQT phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất tháng 8 và tháng 9 năm 2021.	100%
24	21/TLT-HĐQT	11/08/2021	Nghị quyết HĐQT thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 2 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3.	100%
25	22/TLT- HĐQT	30/09/2021	Nghị quyết HĐQT phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất quý 4.	100%
26	23/TLT-HĐQT	06/10/2021	Nghị quyết HĐQT thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 3 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4.	100%
27	24/TLT-HĐQT	06/12/2021	Nghị quyết HĐQT phê duyệt kế hoạch BDSCL năm 2022	100%
28	25/TLT-HĐQT	13/12/2021	Biên bản họp HĐQT về việc phê duyệt phương án bán và tái thuê tài chính tài sản - Xe ô tô Toyota Camry	100%
29	28/TLT-HĐQT	21/12/2021	Nghị quyết HĐQT phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	100%

c. Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

d. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm.

- Ông: Lê Tiến Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông: Đinh Quang Huy - Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông: Đoàn Hải Mậu - Ủy viên Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát: Gồm có 3 thành viên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		Ghi chú
			Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)	
1	Ngô Trọng Toán	Trưởng ban	0	0	
2	Phùng Văn Hải	Ủy viên	662	0,009	
3	Sái Thị Ngát	Ủy viên	0	0	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.

Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

Báo cáo đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty, tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị. Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Thành viên HĐQT và BKS được nhận thù lao với mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Mức lương của Người quản lý được Tổng công ty Viglacera - CTCP quy định.

Mức lương, thù lao của HĐQT, BKS, Ban GD năm 2021 như sau.

- Thù lao của HĐQT, BKS:

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ/năm)
I	Hội đồng quản trị		
1	Lê Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
2	Đinh Quang Huy	UV HĐQT	60.000.000
3	Cao Thị Nhung	UV HĐQT	36.000.000
4	Đoàn Hải Mậu	UV HĐQT	48.000.000
5	Nguyễn Việt Hồng	UV HĐQT	36.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Ngô Trọng Toán	Trưởng ban	36.000.000
2	Phùng Văn Hải	Ủy viên	18.000.000
3	Sái Thị Ngát	Ủy viên	18.000.000

- Lương của Người quản lý.

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (VNĐ/năm)
1	Đoàn Hải Mậu	Giám đốc điều hành	720.000.000
2	Phạm Ngọc San	Phó giám đốc	600.000.000
3	Luyện Công Anh	Kế toán trưởng	480.000.000

Toàn bộ thù lao cho thành viên HĐQT tham gia điều hành được hạch toán vào chi phí quản lý hàng năm của công ty, thù lao HĐQT không tham gia điều hành được chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế. Thù lao của BKS được hạch toán chi phí quản lý của công ty.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Họ và tên	Chức danh	Cổ phiếu sở hữu đầu năm		Cổ phiếu sở hữu cuối năm	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Đoàn Hải Mậu	UV HĐQT	30.000	0,04	90.000	0,13

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến của kiểm toán viên.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

(Trích nguồn: Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 (đã được kiểm toán) của công ty TNHH hãng kiểm toán AASC).

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Toàn văn báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long được công bố tại website: www.viglacerahanglong.com.vn

Xác nhận của đại diện theo pháp luật



Đoàn Hải Mậu